

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI
TIÊU DỰ ÁN NHA TRANG – ĐỢT 13 (10 TRƯỜNG HỢP/10 THỬA)**

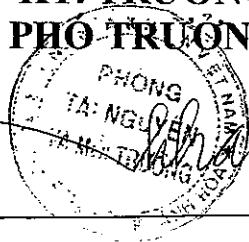
Địa bàn: Phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang

(Kèm Quyết định số: 2648/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt: 3.655.899.000 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
Phòng Tài nguyên và Môi trường
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Thị Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thanh Liêm

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG

A - Các căn cứ pháp lý để lập phương án:

1 - Các văn bản liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định Bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, điện, nước sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 5526/STC-QLG ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

2- Các văn bản liên quan đến dự án:

- Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Thông báo số 785/TB-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc điều chỉnh nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;
- Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 1014/TB-UBND ngày 22/6/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích đối với hàng mục: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (tại) Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải -

Tiêu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án Nha Trang;

UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 75/QĐ-HĐBT ngày 08/4/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang V/v

kiện toàn Tổ công tác giúp việc Hội đồng BT, HT, TĐC dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 209/TB-HĐBT ngày 30/6/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang V/v kiểm kê xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang;

- Thông báo số 45/TB-TTQĐ-PT ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phát triển Quy hoạch Khu vực và việc chuyển nhượng, thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 30/TB-TTQĐ-PT ngày 23/9/2021 của Trung tâm Phát triển Quy hoạch Khu vực và việc chuyển nhượng, thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngõc Hiệp.

- Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang;

- Văn bản số 2915/QĐBT-QH ngày 24/8/2018 của Phòng Quản lý Đô thị về việc xác định mốc thời điểm quy hoạch dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang.

- Văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang về việc mốc thời điểm xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường Bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang.

- Thông báo số 109/TB-HĐBT ngày 07/5/2019 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang V/v do đặc, kê khai, kiểm kê xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường chỉ bố trí tái định cư số 99/HĐBT ngày 17/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 10/8/2022

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 15/8/2022

- Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang V/v

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 15/8/2022

- Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bên vùng các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án Nha Trang

- Biên bản nghiệm xét ngày 21/8/2022

- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022
- Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022
- Văn bản của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định phương án BT, HT, TĐC thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, TP Nha Trang về việc thẩm định phương án BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, TP Nha Trang

B- Bồi thường hỗ trợ

TÀI
RIỆ
Đ
NH

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	Bà Trần Thị Thường (chết) Ông Phan Đình Cuộc (Đại diện kê khai) <										

11/11/2022
 11/11/2022
 11/11/2022

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/09/2022	- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mất bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thường trên còn được thường động viên ba (03) triệu đồng/hộ * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V) VI. Tái định cư Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
										290.252.336	

SỰ VIỆC
 TÀI CHÍNH

[illegible]

SECRET

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000		
			<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							301.608.610	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.								

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)							12.346.794	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.								

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							89.890.522	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.								

[illegible]

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chi chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bán giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)							443.581.473	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư do còn nhà ở, đất ở trên địa bàn phường Vĩnh Phước.								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
07	Ông Nguyễn Ngọc Tiến - Địa chỉ thường trú: Tổ 11 Tây Nam, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/34/13/4 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	***Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 679/XN-UBND ngày 27/5/2022 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận: <i>Thửa số 100 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chính lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021), do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 26 tờ bản đồ địa chính số 25 (tương ứng thửa số 80 tờ BĐ chính lý số 25), Vĩnh Phước.</i> * Nguồn gốc đất: Nguyên thửa đất do ông Nguyễn Văn Hiệp khai hoang từ trước năm 1990 với diện tích như khuôn viên hiện nay (diện tích theo bản đồ năm 1996). Năm 1996, ông Nguyễn Văn Hiệp xây dựng nhà để ở và chuyển nhượng lại toàn bộ nhà và đất cho ông Đỗ Văn Hiếu. Đến năm 2011, ông Đỗ Văn Hiếu tiếp tục chuyển nhượng lại toàn bộ nhà và đất cho ông Nguyễn Ngọc Tiến quản lý và sử dụng ổn định cho đến nay (Ông Đỗ Văn Hiếu hiện tại không còn sinh sống trên địa bàn phường). Ngày 26/7/2016, ông Tiến làm Đơn xin xác nhận có nhà ở có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý. * Thời điểm sử dụng đất: Năm 2011 * Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Năm 1996 (Theo phiếu ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước) * Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tỏa. * Tổng diện tích đất đang sử dụng: 18,2m² * Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Đường đi Tây giáp: Thửa 98 Nam giáp: Thửa 101 Bắc giáp: Thửa 93 * Loại đất: Hộ gia đình tự chuyển mục đích để xây dựng nhà, vật kiến trúc. * Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Không - Những thay đổi về loại đất: Có * Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp * Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về	I/ Về đất: - Tổng diện tích (Thửa 100) m² 18,20 + DT đất giải tỏa: m² 18,20 + DT đất còn lại: m² 0,00 a/ Bồi thường về đất: ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4. Điều 82, Luật đất đai năm 2013 + Điểm a, khoản 54, Điều 2. NĐ 01/2017/NĐ-CP ngày 01/6/2017 * Diện tích đất không bồi thường: m² 18,20 Không bồi thường vì nhận chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 b/ Hỗ trợ về đất ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Hỗ trợ theo đơn giá đất ở: m² 18,20 3.600.000 90% 58.968.000 <i>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến Hòn Chông và Chung cư Vĩnh Phước) - vị trí 4. Đơn giá: 4.800.000đ/m² tại mục 1. STT 03 (phường Vĩnh Phước)</i> <i>Nộp 50% tiền sử dụng đất theo bảng giá đất quy định tại Bảng giá đất như trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7, NĐ 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ theo đơn giá: 2.400.000đ/m²</i> - Giá đất hỗ trợ: (4.800.000đ/m² x 100%) - (2.400.000đ/m² x 50%) = 3.600.000đ/m² II/ Tài sản gắn liền với đất: 1- Công trình, vật kiến trúc: + TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang; ** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.							58.968.000		
										92.572.336		
										92.572.336		

11/2/11 - 12/2/11

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ (Bản đồ năm 1996): 18,2m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 18,2m² - Diện tích đất chênh lệch tăng/giảm: 0,0m² * Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: Địa chỉ thửa đất thực tế: 35/34/13/4 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 8 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang (Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng và địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất) * Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Đơn xin xác nhận có nhà ở của ông Nguyễn Ngọc Tiên ngày 26/7/2016 có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước - Sổ hộ khẩu số 330161588 do bà Nguyễn Thị Hoa làm chủ hộ được công an TP nha Trang cấp ngày 8/8/2015, gồm 04 nhân khẩu. Thường trú tại: Tổ 11 Tây Nam, Vĩnh Hải, TP Nha Trang - Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước. - Văn bản 1599/UBND ngày 12/8/2022 của UBND phường Vĩnh Hải v/v xác minh tình trạng ăn ở và tình trạng sở hữu nhà ở, đất ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ ông Nguyễn Ngọc Tiên - Thửa đất 100 tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ Nam Cầu Hà Ra đến Hòn Chông và Chung cư Vĩnh Phước) từ 2m đến 3,5m tương ứng vị trí 4 (Theo biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021). - Biên bản họp HDBT ngày 15/8/2022 (STT 10) - Thông báo số 186/TB-HDBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: - Nhà 2 tầng, sàn gỗ, tầng 1 tường xây gạch 100, nền gạch men, tường sơn nước, tầng 2 sàn gỗ, vách tole + gỗ, cửa gỗ nhôm, mái lợp tole, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. DTXD = DTGT: 18,2m² Áp giá PLI, STT A10, ĐG: 4.299.586đ/m²XD. Đơn giá nhân hệ số 1,14 vì tường sơn nước. 4.299.586 đ/m²XD x 1,14 = 4.901.528 đ/m²XD + Ôp men tường. DT: (3,44m + 1,65m + 1,5m + 2,2m) x 0,9m = 7,91m² Áp giá PLII, STT A33, ĐG: 309.524đ/m² + Ôp men bếp. DT: (1,8m x 0,9m) + (1,3m x 0,6m) + (0,8m x 0,7m) = 2,96m² Áp giá PLII, STT A33, ĐG: 309.524đ/m² 2 - Tài sản khác: Không có 3 - Cây trồng: Không có III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. IV/ Chính sách hỗ trợ: 1- Hỗ trợ ổn định đời sống: 2- Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển: * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV) V/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: - Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định. - Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	m²XD	18,20	4.901.528		100%	89.207.810			
				m²	7,91	309.524		100%	2.448.335			
				m²	2,96	309.524		100%	916.191			
										0		
										0		
										0		
										0		
						Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
										151.540.336		
										11.000.000		
				hộ	1	8.000.000				8.000.000		
				hộ	1	3.000.000				3.000.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng: (I + II + III + IV + V)							162.540.336	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định vì không thực tế ăn ở tại vị trí giải tỏa.								

1
R
H
21
/ 4
/ 11

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
08	Ông Nguyễn Văn Khải Bà Huỳnh Thị Kim Yến 										

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
09	Ông Lê Văn Hào Bà Bùi Thị Kim Loan - Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 04 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang	*** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 742/XN-UBND ngày 15/7/2019 và GXN số 1373/XN-UBND ngày 31/12/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận: <i>Thửa 31 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chính lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ 16/7/2021, tương ứng thửa số 310 Tờ bản đồ địa chính số 23, phường Vĩnh Phước</i> + Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Nha Trang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH01526/22333 ngày 09/01/2014 cho ông Lê Văn Hào và bà Bùi Thị Kim Loan với diện tích là 61,4m ² (trong đó, đất được công nhận QSDĐ là 17,14m ² , không công nhận QSDĐ là 44,26m ²). Diện tích bị thu hồi thuộc phần đất đã cấp trong giấy chứng nhận. + Thời điểm sử dụng đất: theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH01526/22333 ngày 09/01/2014. + Thời điểm xây dựng nhà: Năm 1997 (theo sổ hộ khẩu số 32404 ngày 01/11/1997) + Tổng diện tích đất đang sử dụng: 61,4m ² + Loại đất: Đất ở đô thị + Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp đường đi Tây giáp thửa số 30 Nam giáp đường đi Bắc giáp hộ dân + Quá trình sử dụng đất: + Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Không + Những thay đổi về loại đất: Không. + Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng: Không * Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: + Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 5, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. + Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 4 Ngõ Đền, Vĩnh Phước, Nha Trang <i>Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất.</i> * Các loại giấy tờ, tài liệu liên quan: Giấy xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước	I/ Về đất: - Tổng diện tích (Thửa số 31): + DT đất giải tỏa: + DT đất còn lại: a/ Phần bồi thường về đất: ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013 + Khoản 2, Điều 77, Luật đất đai năm 2013 - Diện tích đất không được bồi thường: b/ Phần hỗ trợ về đất ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm: <i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ấn và hết tường đồng tàu Composit) - vị trí 1; đơn giá: 2.460.000đ/m² theo mục II, STT 1.1 (tại phường Vĩnh Phước).</i> II/ Tài sản gắn liền với đất: 1- Công trình, vật kiến trúc: + TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang; ** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Nhà 2 tầng, khung, cột, sàn BTCT, mái tole, tường xây gạch 100-200 nền lát gạch men, trần thạch cao, tường sơn nước, cửa sắt kéo + sắt kính, mặt tiền có trang trí ốp đá granit, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD: Sân 1: 46,63m ² ; Sân 2: 59,77m ² ; DTGT: Sân 1: 24,31m ² ; Sân 2: 24,31 + 5,19m ²							62.656.200			
			m ²	61,40									
			m ²	28,30									
			m ²	33,10									
			m ²	28,30	Không bồi thường vì không công nhận QSDĐ								
			m ²	28,30	2.460.000		90%	62.656.200					
			m ² sàn	53,81									
									341.711.196				
									341.711.196				

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000		
			<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng. Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao đất, giao quyền sử dụng đất trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							415.367.396	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.								

[illegible]

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Khai hòa cấp ngày 12/01/1999. - Sổ hộ khẩu số 63655 do bà Nguyễn Thị Kim Thanh làm chủ hộ được Công an thành phố Nha Trang cấp ngày 03/02/2007. - Giấy biên nhận tiền nước ngày 28/5/2017 tên bà Nguyễn Thị Kim Thanh. - Biên nhận thanh toán tiền điện ngày 9/6/2017 tên bà Nguyễn Thị Kim Thanh. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Bản tự kê khai. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 (Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền từ 7,1m đến dưới 9,0m - tương ứng vị trí 1 Đường Ngô Đền) - Biên bản họp HĐBT ngày 10/8/2022 (STT 26) - Thông báo số 186/TB-HĐBT ngày 18/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 21/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 09/9/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 08/9/2022	- BT đá 4x6 lót móng. KL: 2,796m ³ <i>Áp giá PL2, STT A3, ĐG: 1.237.424đ/m³</i> - BT đá 1x2 móng có cốt thép. KL: 1,210m ³ <i>Áp giá PL2, STT A6, ĐG: 4.994.969đ/m³</i> - Móng xây đá chẻ. KL: 0,752m ³ <i>Áp giá PL2, STT A22, ĐG: 1.366.155đ/m³</i> - Bê tông cột đá 1x2 M200 cao >4m. KL: 0,584m ³ <i>Áp giá PL2, STT A18, ĐG: 10.439.484đ/m³</i> - Bê tông dầm đá 1x2 M200. KL: 8,426m ³ <i>Áp giá PL2, STT A19, ĐG: 7.259.116đ/m³</i> - Bê tông sàn đá 1x2 M200. KL: 1,334m ³ <i>Áp giá PL2, STT A20, ĐG: 1.366.155đ/m³</i> - Lát gạch men nền. DT: 11,231m ² <i>Áp giá PL2, STT A37, ĐG: 411.129đ/m²</i> B. Xây dựng mặt tiền nhà - Xây tường gạch dày 20cm, sơn nước 2 mặt chiều cao ≤ 28m, có bả matit. DT: 50,495m ² <i>Áp giá PL2, STT B62, ĐG: 652.548đ/m²</i> C. Lắp đặt (Nhân công) - Lắp đặt mái tole chiều dài ≤ 2m. DT: 3,855m ² <i>Áp giá PL2, STT C15, ĐG: 17.400đ/m²</i> - Lắp đặt trần thạch cao. DT: 7,710m ² <i>Áp giá PL2, STT C11, ĐG: 106.246đ/m²</i> - Lắp đặt cửa sắt cửa nhôm. DT: 15,840m ² <i>Áp giá PL2, STT C3, ĐG: 88.539đ/m²</i> - Lắp đặt cửa gỗ các loại. DT: 11,520m ² <i>Áp giá PL2, STT C1, ĐG: 108.753đ/m²</i> - Lắp đặt lan can sắt. DT: 8,55m ² <i>Áp giá PL2, STT C5, ĐG: 118.052đ/m²</i> - Sân láng XM (có bê tông lót) DT = 21,78m ² <i>(Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)</i> - Tường rào xây gạch bổ trụ cao 1,1m kết hợp hoa song sắt cao 0,25m. dài 3,8m móng 3 lớp đá chẻ. + Tường rào xây gạch bổ trụ cao 1,1m kết hợp hoa song sắt cao 0,25m. dài 3,8m móng 2 lớp đá chẻ.	m ³	2,796	1.237.424		100%	3.459.838		
				m ³	1,210	4.994.969		100%	6.043.912		
				m ³	0,752	1.366.155		100%	1.027.349		
				m ³	0,584	10.439.484		100%	6.096.659		
				m ³	8,426	7.259.116		100%	61.165.311		
				m ³	1,334	5.315.762		100%	7.091.227		
				m ²	11,231	411.129		100%	4.617.390		
				m ²	50,495	670.229		100%	33.843.213		
				m ²	3,855	17.400		100%	67.077		
				m ²	7,71	106.246		100%	819.157		
				m ²	15,84	88.539		100%	1.402.458		
				m ²	11,52	108.753		100%	1.252.835		
				m ²	8,55	118.052		100%	1.009.345		
				m ²	21,78	168.630		100%	3.672.761		
				md	3,80	1.555.894		100%	5.912.399		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			(Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, đơn giá giảm 8,5% vì tường gạch cao 1,1m và song sắt cao 0,25m) 1.700.431đ/md x (100% - 8,5%) = 1.555.894đ/md								
			+ Móng 1 lớp đá chẻ: (0,2m x 0,2m x 3,8m) = 0,152m³	m³	0,152	2.210.809		100%	336.043		
			(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)								
			- Tường xây gạch cao 1,2m, móng 3 lớp đá chẻ, dài 3,9m.								
			+ Tường xây gạch cao 1,2m, móng 2 lớp đá chẻ, dài 3,9m.	md	3,90	788.344		100%	3.074.541		
			(Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md, giảm 8,5% vì tường gạch cao 1,2m) 861.578đ/md x (100% - 8,5%) = 788.344đ/md								
			+ Móng 1 lớp đá chẻ: (0,2m x 0,2m x 3,9m) = 0,156m³	m³	0,156	2.210.809	100%		344.886		
			(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)								
			2 - Tài sản khác:						0		
			Không có								
			3- Cây trồng:						0		
			Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;						0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						240.000		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:			Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa					
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:								
			3- Hỗ trợ di chuyển:								
			4 - Hỗ trợ kinh phí chỉnh lý biến động đo thu hồi đất một phần (chỉ trả cho cơ quan thực hiện chỉnh lý biến động về đất đai):								
			Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						240.000		
			(Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPĐKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang, Mục 5b - Khu vực các phường, đơn giá: 240.000đ/hs)	hồ sơ	1	240.000		100%	240.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)						608.179.414		
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)							619.179.414	
			VI. Tái định cư								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.								

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUỖN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG
Hạng mục: Xây dựng Đường Chử Đổng Tử

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỪA	TỜ ĐTDĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)				SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khên thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Bà Trần Thị Thường (chết) Ông Phan Đình Cuộc (Đại diện kê khai)	Tổ 1, Thấp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/9 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	116	48-2021	682,70	116,40		116,40		279.252.336	257.709.600	14.147.736	7.395.000	0	11.000.000
2	Bà Trần Thị Kim Hoa	Tổ dân phố Thanh Danh, phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	15 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang	61	48-2021	128,00	21,50	21,50			290.608.610	206.400.000	83.968.610	0	240.000	11.000.000
3	Ông Bùi Hòa Hiệp Bà Bùi Thị Hòa Trang (đồng sở hữu)	Tổ 4, Thấp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/11 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	95	48-2021	87,40	1,10	1,10			8.346.794	3.564.000	4.782.794	0	0	4.000.000
4	Ông Đào Trung Bà Hoàng Thị Bổng	Tổ 4, Thấp Bà P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/19 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	87	48-2021	95,70	56,70			56,70	203.662.204	0	203.662.204	0	0	11.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Tổ 8 Thấp Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/10 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	110	48-2021	28,10	28,10	16,26		11,84	78.991.383	26.341.200	52.650.183	0	0	11.000.000
6	Ông Huỳnh Sơn Bà Trần Thị Chứng	Tổ 11 (Tổ 45 cũ) Sơn Thủy phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	63/15/21 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	05	48-2021	88,30	88,30	88,30			432.581.473	111.258.000	321.143.473	180.000	0	11.000.000
7	Ông Nguyễn Ngọc Tiến	Tổ 11 Tây Nam, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	35/34/13/4 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang.	100	48-2021	18,20	18,20	18,20			151.540.336	58.968.000	92.572.336	0	0	11.000.000
8	Ông Nguyễn Văn Khải Bà Huỳnh Thị Kim Yến	Tổ 2 Đông Môn 2, Huyện Diên Khánh.	Tổ 45 (Tổ 10 Thấp Bà) Sơn Thủy, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang	02	48-2021	1.970,50	818,50		806,00	12,50	1.025.803.000	1.015.560.000	0	10.123.000	120.000	11.000.000
9	Ông Lê Văn Hào Bà Bùi Thị Kim Loan	Tổ 5 Thấp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang	04 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang	31	48-2021	61,40	28,30		28,30		404.367.396	62.656.200	341.711.196	0	0	11.000.000

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỪA	TỔ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
10	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Tổ 1 Thập Bà, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	09 Ngõ Đến, P. Vĩnh Phước, TP Nha Trang	64	48-2021	128,90	32,10	32,10			608.179.414	308.160.000	299.779.414	0	240.000	11.000.000
	Tổng			10		3.289,20	1.209,20	177,46	950,70	81,04	3.483.332.945	2.050.617.000	1.414.417.945	17.698.000	600.000	102.899.138

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 3.483.332.945 đồng
 Kinh phí tổ chức thực hiện (2%): 69.666.659 đồng
 Kinh phí khen thưởng: 102.899.138 đồng
 Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: 3.655.899.000 đồng
 (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng)

Người lập

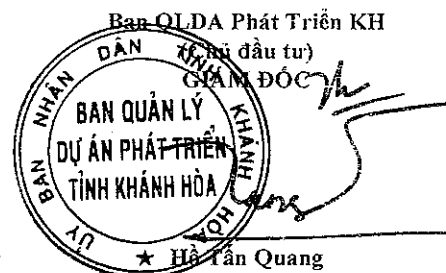
[Signature]
 Trần Phương Hà

Người soát

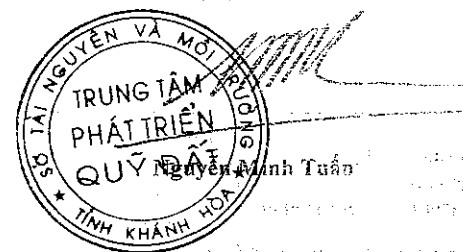
[Signature]
 Lê Thị Thu Nguyệt

Phụ trách phòng

[Signature]
 Hà Văn Hùng



Khánh Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2022
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC



10-11-68
10-11-68
10-11-68

10-11-68

10-11-68
10-11-68

